

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Môn học: Tiếng Anh cơ bản (22410301)

Ngày thi: 23/07/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A501

Số SV có mặt: 37
Số bài thi: 37
Số tờ giấy thi: 37

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi

G.Viên chấm thi 2

C. Hương

Trần Thị Đình Hồng

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125170157	Bùi Xuân	Đại	29/09/2007	CCQ2517E	93	Đai	7,2	4,6	5,6	
2	2124170094	Nguyễn Hải	Đang	20/02/2006	CCQ2417C	2090	hải	8,3	5,8	6,8	
3	2122170550	Nguyễn Bá	Đạt	16/09/2004	CCQ2217N	93	Bai	7,1	4,5	5,5	
4	2122110184	Nguyễn Trần Tiến	Dũng	03/10/2004	CCQ2222A	90	B	7,7	5,4	6,3	
5	2123200283	Lê Hoàng Bảo	Hà	16/06/2005	CCQ2320C	93	hà	8,2	5,5	6,6	
6	2125170158	Bùi Thanh	Hải	16/11/2007	CCQ2517E	90	hà	4,5	6,5	5,7	(g)
7	2123100134	Phan Thị Mỹ	Hằng	07/12/2005	CCQ2310D	93	hà	8,8	6,6	7,5	HP
8	2122030165	Đinh Văn	Hậu	20/07/2004	CCQ2203E	90	hà	8,8	6,3	7,3	
9	2123140084	Trần Võ	Hoàng	25/06/2005	CCQ2314C	92	Hoàng	9,5	7,2	8,1	
10	2122170127	Nguyễn Phi	Hùng	27/10/2003	CCQ2217D	91	hùng	5,0	7,0	6,2	HP
11	2122030089	Phạm Gia	Huy	17/05/2004	CCQ2203C	92	Huy	7,3	4,5	5,6	
12	2122170541	Phạm Quang	Huy	10/10/2004	CCQ2217N	91	huy	9,3	5,3	6,9	
13	2123200702	Lưu Ngọc	Khuê	08/11/2005	CCQ2320G	92	khuê	8,5	6,0	7,0	
14	2122170656	Phan Minh	Kiệt	20/08/2004	CCQ2217Q	91	kiệt	8,8	4,8	6,4	
15	2124300011	Ma Thị Thuý	Linh	01/09/2005	CCQ2430A	92	linh	6,3	6,2	6,2	
16	2122180082	Văn Thành	Long	10/12/2004	CCQ2218C			0,0	Cẩn thi		HP
17	2123030026	Trần Ngọc	Lực	30/11/2004	CCQ2303A	90	lực	7,9	6,2	6,9	
18	2122170321	Dương Minh	Lương	12/10/2003	CCQ2217H	93	lương	7,9	6,6	7,1	
19	2125120062	Lê Thị Hồng	Ly	06/08/2007	CCQ2512B	90	ly	6,8	5,7	6,1	
20	2124300163	Nguyễn Thị Lê	Na	01/06/2005	CCQ2430E	93	na	7,7	6,5	7,0	
21	2123050169	Đặng Hoài	Nam	22/08/2005	CCQ2305D			3,6		1,4	HP
22	2120030121	Nguyễn Văn	Nam	17/08/2002	CCQ2003D	93	nam	6,6	4,8	5,5	
23	2123200456	Trà Thị Bích	Ngọc	19/07/2003	CCQ2320E	90	ngọc	8,9	4,6	6,3	
24	2122260043	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	10/02/2004	CCQ2226B	93	nhu	7,6	6,7	7,1	
25	2124180112	Nguyễn Ngọc	Phúc	22/08/2006	CCQ2418B	91	phúc	7,0	6,2	6,5	
26	2122150037	Đỗ Thế	Quân	01/01/2004	CCQ2215B	92	quân	9,6	5,0	6,8	
27	2125170154	Phạm Võ Minh	Sinh	22/10/2007	CCQ2517E	91	sinh	6,2	5,8	6,0	
28	2123140013	Vũ Hà	Tây	23/11/2005	CCQ2314A	92	hà	8,9	5,8	7,0	

(75)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

C. Viên chấm thi

G. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh cơ bản (22410301)

Ngày thi: 23/07/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A501

Số SV có mặt: 37

Số bài thi: 37

Số tờ giấy thi: 37

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

C. Viên chấm thi

G. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123200522	Lê Quốc Thái	23/06/2005	CCQ2320F	91		8,3	68	74	
30	2123030210	Phạm Thái	11/07/2003	CCQ2303D	92	Thái	8,5	74	7,8	
31	2123170272	Nguyễn Đăng Thắng	29/06/2004	CCQ2317H	91	Thắng	5,0	5,1	5,1	HP
32	2125120023	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	23/09/2007	CCQ2512A			4,5		1,8	
33	2123200497	Nguyễn Thị Trang	24/03/2005	CCQ2320F	93	Trang	8,6	7,3	7,8	HP
34	2123140017	Trần Hữu Trí	19/12/2005	CCQ2314A	92	Trí	9,6	6,9	8,0	
35	2124100068	Lê Trịnh Tố Trinh	28/10/2006	CCQ2410B	91		7,1	7,3	7,2	
36	2123120531	Phạm Thị Ánh Tuyết	27/09/2005	CCQ2312I	90		6,3	6,3	6,3	
37	2123260018	Vạn Thị Thanh Uyên	17/03/2003	CCQ2326A	93	Uyen	8,1	6,7	7,3	
38	2123200523	Huỳnh Văn Viễn	07/02/2005	CCQ2320F	92		8,9	6,4	7,4	
39	2122110368	Dương Sĩ Vinh	01/06/2004	CCQ2211J	91	Vinh	5,7	6,3	6,1	
40	2123030003	Mai Quốc Vinh	23/12/2005	CCQ2303A	90	Vinh	5,5	5,8	5,7	